TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **295**/2025/HS-ST
Ngày: 24/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Bà Đỗ Thúy Anh**;
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Xuân Nữ;
Bà Nguyễn Kim Lê;

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Nghiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 324/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2025/QĐST-HS ngày 08/12/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích T** Giới tính: Nữ;
Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày: 28/10/1982 Tại: Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình);
Nơi thường trú: Số B ngõ F đường H, phường N, thành phố Hà Nội;
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Tự do Trình độ học vấn: 12/12;
Họ và tên cha: Nguyễn Trọng Nhậm
Họ và tên mẹ: Trịnh Thị T1
Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con út;
H và tên chồng: Thiều Hoàng G (Đã ly hôn);
Có 03 con.
Tiền án, tiền sự: Không
Nhân thân:

-Bản án số 169 ngày 24/9/2012 của TAND thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tuyên phạt Nguyễn Thị Bích T 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999 (Đã xóa án).

- Bản án số 130 ngày 17/7/2024 của TAND tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt Nguyễn Thị Bích T 14 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Bản án số 25 ngày 10/01/2025 của TAND thành phố Hà Nội tuyên phạt Nguyễn Thị Bích T 15 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 130 ngày 17/7/2024 của TAND tỉnh Thanh Hóa buộc Nguyễn Thị Bích T phải chấp hành hình phạt chung là 29 năm tù.

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Q - Bộ C. Bị cáo hiện được trích xuất tại Trại tạm giam số 1 - Công an T2.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại vắng mặt: Ông Hoàng Văn K, sinh năm: 1967**; Nơi thường trú: Khu V, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Bích T là lao động tự do. Khoảng năm 2017, Nguyễn Thị Bích T quen biết ông Hoàng Văn K (Sinh năm: 1967; HKTT: Khu V, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn) thông qua anh Nguyễn Tiến H1 (Sinh năm: 1976; HKTT: Tổ F S, quận L, TP . Hà Nội). T tự giới thiệu tên là Trần Thị Thu H2 (Sinh năm: 1982). Quá trình nói chuyện, T biết được con trai ông K là anh Hoàng Tuấn A (Sinh năm: 1993) đang là Chiến sỹ Công an nghĩa vụ tại Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy - Công an tỉnh L có thi vào trường Cao đẳng C1, dự tính được khoảng 18 điểm nên không đủ điểm đỗ hệ Trung cấp. Do ông K có nhu cầu muốn xin cho con trai vào học hệ Trung cấp của trường Cao đẳng C1 nên T đã nói bản thân có nhiều mối quan hệ quen biết, có khả năng xin cho con ông K đỗ với chi phí 500.000.000 đồng trong đó phải đưa trước 400.000.000 đồng, sau khi có thông báo nhập học thì đưa số tiền 100.000.000 đồng còn lại. T hẹn ông K xuống Hà Nội để nói chuyện trực tiếp, ông K đồng ý.

Ngày 15/7/2017, Ông K xuống gặp T ở địa chỉ số C đường C, phường D, quận C (nay là phường C), thành phố Hà Nội. Tại đây, ông K đưa cho T số tiền 250.000.000 đồng, T đã viết và đưa cho ông K 01 giấy vay tiền trong đó ký, ghi tên người vay là "Nguyễn Minh H3" nhưng thực chất là giấy biên nhận tiền để lo việc cho anh Tuấn A. Khoảng tháng 11/2017, không thấy anh Tuấn A được đi học nên ông K gọi điện hỏi thì T phản hồi đang chờ duyệt. Đến ngày 10/3/2018, anh Tuấn A có quyết định xuất ngũ do hết thời gian Công an nghĩa vụ, ông K liên hệ thì T nói sẽ xử lý để xét chuyển cho anh Tuấn A sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp tại Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy - Công an tỉnh L, ông K đồng ý. Sau đó, T lên nhà ông K ở thị trấn Đ, huyện C (nay là xã Đ), tỉnh Lạng Sơn bảo

ông K đưa thêm 50.000.000 đồng để tiếp tục lo việc. Ông K đã đưa cho T số tiền trên nhưng không viết giấy tờ biên nhận. Khoảng 1-2 tuần sau đó, T thông báo cho ông K là Công an tỉnh L không còn chỉ tiêu và hứa lo cho anh Tuấn A về công tác tại Bộ - Bộ C, ông K tiếp tục đồng ý. T yêu cầu ông K chuyển nốt số tiền 100.000.000 đồng còn lại vào tài khoản số 1401201014669 mở tại ngân hàng A1 chi nhánh Bách khoa của anh Nguyễn Đăng X (Sinh năm: 1978; HKTT: TDP C M, phường M, quận N, TP . Hà Nội) và chờ thông tin. Ngày 23/3/2018, ông K đã chuyển tiền đến tài khoản nêu trên.

Sau khi nhận toàn bộ số tiền 400.000.000 đồng từ ông K, T không liên hệ với ai để xin cho con trai ông K đỗ vào trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I, công tác tại Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy - Công an tỉnh L hoặc Bộ Tư lệnh Cảnh sát Cơ động - Bộ C mà chi tiêu cá nhân hết. Do đợi lâu nhưng không thấy T phản hồi nên ông K đã liên hệ yêu cầu T trả lại số tiền trên. Đến ngày 29/3/2023, T đã chuyển khoản trả lại ông K 30.000.000 đồng, số tiền còn lại đến nay T chưa trả lại cho ông K.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của ông K: 01 giấy nhận tiền (có nội dung T vay của ông K số tiền 250.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng) (BL33, 34); đồng thời thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Bích T để tiến hành trưng cầu giám định.

Tại Kết luận giám định số 846 ngày 21/01/2025 của Phòng K2 - Công an thành phố T2 kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Minh H3 trên mẫu cần giám định ký hiệu A (giấy nhận tiền) với chữ viết, chữ ký tên Nguyễn Thị Bích T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 (bản tự khai, biên bản ghi lời khai) và chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Bích T (Nguyễn Minh H3) trên mẫu so sánh ký hiệu M3 (mẫu chữ ký, chữ viết của T) là chữ do cùng một người viết và ký ra (BL 37,38).

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại các đơn vị: trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I, Học viện C2, Công an tỉnh L và Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động - Bộ C đều xác định không có cá nhân, tổ chức nào liên hệ với các đơn vị trên để xin cho anh Hoàng Tuấn A vào học tập hoặc công tác tại đây (BL 11-22). Thu thập sao kê lịch sử giao dịch chuyển, nhận tiền của ông K và anh X thể hiện ngày 23/3/2018, ông K đã chuyển số tiền 100.000.000 đồng đến tài khoản số 1401201014669 mở tại ngân hàng A1 chi nhánh Bách khoa của anh X (BL 30, 57).

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Bích T khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đối với anh Nguyễn Đăng X: anh X được Nguyễn Thị Bích T nhờ tài khoản để nhận số tiền 100.000.000 đồng từ ông Hoàng Văn K. Anh X đã rút toàn bộ số

tiền trên đưa cho T và được T trả công 100.000 đồng. Anh X không biết nội dung trao đổi giữa T và ông K, do vậy không có căn cứ xử lý (BL 65-68).

Đối với anh Nguyễn Tiến H1: quá trình điều tra xác định anh H1 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo (BL 118-119, 122-123). Do vậy, không có căn cứ xử lý.

Về dân sự, ông Hoàng Văn K yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 370.000.000 đồng (BL 60, 61).

Lời khai nhận tội của Nguyễn Thị Bích T phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp vật chứng đã thu giữ và tài liệu điều tra khác.

Tại bản cáo trạng số 115/CT- VKS ngày 27/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội: bị cáo Nguyễn Thị Bích T bị truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thị Bích T khai nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận bị cáo Nguyễn Thị Bích T đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 của Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 174; điểm s, b khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T mức án từ 11 năm 06 tháng – 12 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho ông Hoàng Văn K 370.000.000 đồng.

Bị cáo không tham gia tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo thấy ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T2, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng ngày 15/7/2017 đến ngày 23/3/2018, tại quận C (nay là phường C) - thành phố Hà Nội và huyện C (nay là xã Đ) - tỉnh Lạng Sơn, Nguyễn Thị Bích T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng của ông Hoàng Văn K thông qua thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối, nhận tiền để lo cho anh Hoàng Tuấn A là con trai ông K đỗ vào trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I, công tác tại Công an tỉnh L hoặc Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động - Bộ C tuy nhiên đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Bị cáo thành khẩn khai nhận tội. Bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả: trả lại ông Hoàng Vân K1 30.000.000 đồng. Ông Hoàng Văn K yêu cầu bồi thường. Ông K yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 370.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Bích T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo chiếm đoạt của ông Hoàng Văn K số tiền 400.000.000 đồng nên bị truy tố theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử đều về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tại Bản án số 169 ngày 24/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (trị giá tài sản chiếm đoạt 30.000.000 đồng); Tại Bản án số 130 ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 14 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (trị giá tài sản chiếm đoạt 4.272.000.000 đồng). Tại Bản án số 25 ngày 10/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 15 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (trị giá tài sản chiếm đoạt 4.770.000.000 đồng), tổng hợp hình phạt với Bản án số 130 ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa buộc chấp hành hình phạt chung là 29 năm tù.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Bích T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục một phần

hậu quả (bị cáo đã trả lại ông Hoàng Văn K 30.000.000 đồng), nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, b khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại Điều 174 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo T thuộc trường hợp đang phải chấp hành một bản án khác mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án mà bị cáo đang chấp hành nên cần phải tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự, hình phạt chung không vượt quá 30 năm đối với hình phạt tù có thời hạn.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Không.

[8] Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho ông Hoàng Văn K 370.000.000 đồng.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

1. Căn cứ vào điểm a. khoản 3, Điều 174; điểm s, b khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T 11 *(Mười một)* năm tù. Tổng hợp hình phạt với hình phạt 29 *(Hai mươi chín)* năm tù theo Bản án số 25/2025/HS-ST ngày 10/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích T phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 30 *(Ba mươi)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/4/2023.

Hình phạt bổ sung: Không.

2. Về vật chứng: Không.

3. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích T phải bồi thường cho ông Hoàng Văn K số tiền 370.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng:

- Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Bích T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 18.500.000 đồng *(Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP . Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Hà Nội;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thúy Anh